

## Đô thị hóa với vấn đề sử dụng ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay

NGUYỄN VĂN KHANG

1. Ở các quốc gia phát triển, *đô thị hóa* là một khái niệm quen thuộc trong nghiên cứu xã hội học, theo đó, *đô thị hóa ngôn ngữ* là một nội dung được đề cập đến ngay sau khi ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics) ra đời không lâu - vào những năm đầu thập kỉ 60 của thế kỉ 20.

1.1. Trong nhiều hệ quả mà đô thị hóa tạo ra có hai hệ quả được xem như là nhân tố tác động mạnh mẽ đến việc sử dụng ngôn ngữ, đó là: (1) Làm tan rã cấu trúc xã hội nông nghiệp và gây nên làn sóng di dân từ nông thôn vào thành phố; (2) Làm mờ dần thậm chí có thể xoá nhoà ranh giới giữa thành thị và nông thôn. Chính vì thế, không ít các nhà xã hội học đã coi đô thị hóa là một quá trình tập trung dân cư ngày càng đông vào các đô thị, từ đó nâng cao vai trò của thành thị đối với sự phát triển xã hội.

Vì con người với môi trường là một khối thống nhất, cho nên, khi đô thị hóa thì con người cũng phải điều chỉnh cuộc sống của mình để thích nghi lối sống của đô thị hóa trong đó thích nghi ngôn ngữ là một nội dung quan trọng. Bởi, như đã biết, sau thời kì của ngôn ngữ học cấu trúc tập trung nghiên cứu ngôn ngữ theo hướng cho "cho nó và vì nó" (cho ngôn ngữ và vì ngôn ngữ) là thời kì của ngôn ngữ học hậu cấu trúc với định đề nổi tiếng "nói là hành động" của J. Austin đã coi ngôn ngữ là một trong những hành vi của con người và đưa việc nghiên cứu ngôn ngữ trở về với biến thể trong đời sống giao tiếp sống động nhưng không kém phần đa tạp-ngôn ngữ tự nhiên trong giao tiếp. Gắn với môi trường sống, con người phải điều chỉnh hành vi giao tiếp ngôn ngữ của mình sao cho phù hợp với chuẩn tắc hành vi của xã hội đang sống. Đây chính là lí do vì sao, người ta không thể sử dụng ngôn ngữ (phát ngôn) một cách tùy tiện mà phải theo một chuẩn tắc của tương tác giao tiếp gồm chuẩn phát ngôn (đối với người nói hay khi nói) và chuẩn giải thích (đối với người nghe hay khi nghe). Như vậy, phương thức làm cho "thích nghi ngôn ngữ" trong môi trường đô thị hóa chính là đô thị hóa ngôn ngữ. Hay nói cách khác, đô thị hóa ngôn ngữ được hiểu như một quá trình vận động, thay đổi và thích nghi trong giao tiếp ứng xử ngôn ngữ bằng lối giao tiếp ngôn ngữ thành thị.

Ở đây, xin dừng lại một chút để nói rõ thêm về khái niệm "thích nghi". "Thích

nghe về ứng xử ngôn ngữ” là thuộc thuyết thích nghi (accommodation theory) do Giles đưa ra. Theo Giles, thuyết thích nghi bao gồm hai nội dung: hội tụ (convergence) và phân li (divergence). Sự thích nghi ngôn ngữ thường xuất hiện dưới dạng hội tụ, tức là, người nói chọn một ngôn ngữ hay một dạng ngôn ngữ có vẻ phù hợp với những nhu cầu của người nói chuyện. Còn phân li là sự ngược lại với hội tụ, đó là việc người nói “không chút bận tâm” đến việc điều chỉnh cách nói của mình vì lợi ích của đối tượng giao tiếp mà thậm chí còn cố tình làm cho cách nói của mình khác một cách tối đa với cách nói của đối tượng giao tiếp. Như vậy, có thể thấy, sự lựa chọn cách nói “hội tụ” hay “phân li” là tùy thuộc vào chiến lược giao tiếp (strategy) cũng như thái độ ngôn ngữ (attitude) của người nói. Theo đó, đô thị hóa ngôn ngữ dường như đòi hỏi người ta phải có một sự lựa chọn dứt khoát trong những sự lựa chọn. Đó là sự lựa chọn thích nghi ngôn ngữ theo hướng hội tụ.

Khi đề cập đến "lối giao tiếp thành thị", mặc nhiên, như là một sự thừa nhận có một "thứ" ngôn ngữ gọi là thành thị (hay thành phố). Đây chính là khái niệm phương ngữ thành thị (urban dialect) trong sự khu biệt với phương ngữ nông thôn (rural dialect). Cho đến nay, hầu hết các ý kiến đều thống nhất cho rằng, phương ngữ thành thị có một số đặc điểm nổi bật như sau:

- Tuy là phương ngữ nhưng gần với ngôn ngữ toàn dân, là hình thái cao (H: high; trong quan hệ với hình thái thấp-L: low) của phương ngữ (nên có thể coi là bán phương ngữ).

- Phương ngữ thành thị là cầu nối giữa ngôn ngữ văn học với phương ngữ.

- Phương ngữ thành thị thường tiến bộ hơn phương ngữ nông thôn.

- Phương ngữ thành thị góp phần vào việc đẩy mạnh quá trình thống nhất ngôn ngữ.

- Mọi sự tiến bộ, cách tân trong ngôn ngữ đều bắt đầu từ đô thị lớn rồi lan truyền đến đô thị nhỏ sau đó mới lan truyền đến nông thôn.

Với một vài nét nổi bật trên để thấy rằng, có một sự chênh nhau khá rõ giữa phương ngữ thành thị và phương ngữ nông thôn, và theo đó là sự khác nhau giữa lối giao tiếp ngôn ngữ thành thị với lối giao tiếp ngôn ngữ nông thôn. Đây chính là một nội dung mà trong quá trình đô thị hóa không thể không đặt ra.

**1.2.** Tuy nhiên, theo cách hiểu trên thì đô thị hóa ngôn ngữ mới chỉ xem xét sự tác động đơn chiều từ phương ngữ thành thị đối với phương ngữ nông thôn (phương ngữ nông thôn). Thực tế đã không dừng lại ở đó mà còn có chiều ngược lại, đó là tác động của các phương ngữ nông thôn đối với phương ngữ thành thị. Ví dụ, đô thị hóa có thể là nơi tụ hợp của những người tứ xứ, chẳng hạn như, những người sống ở ven đô với phương ngữ của vùng ven đô; những người từ nhiều vùng nông thôn khác với phương ngữ của mỗi vùng nông thôn đó; lại còn có cả những người từ các đô thị khác với phương ngữ của các đô thị đó; v.v... Trong một trạng thái đa phương ngữ xã hội như vậy sẽ có tác động hai chiều (tương tác) khi con người tham gia vào một cộng đồng nói năng (community of speech) mới: một mặt họ tiếp

nhận phương ngữ thành thị để tạo sự đồng nhất và hoà nhập cộng đồng, đồng thời, rất có thể, các yếu tố phương ngữ của họ sẽ tác động trở lại đối với phương ngữ thành thị mà họ đến. Ví dụ, một vài năm gần đây, Hà Nội mỗi năm ít nhất có khoảng 100.000 người từ nơi khác đến làm ăn sinh sống. Trong sự cố gắng thích nghi dần với đời sống ngôn ngữ Hà Nội thì một mặt phương ngữ của họ phải thay đổi dưới áp lực của tiếng Hà Nội và mặt khác, các phương ngữ mà họ mang theo tác động trở lại đến tiếng Hà Nội, làm cho khái niệm tiếng Hà Nội vốn đã phức tạp lại càng trở nên phức tạp hơn. Thứ nữa, đô thị hóa còn tác động đến cả các xã hội đa ngữ mà trong đó có sự tương tác giữa ngôn ngữ đô thị với ngôn ngữ của các dân tộc còn lại ở vùng đang được đô thị hóa. Ví dụ, quá trình đô thị hóa ở Điện Biên sẽ có tác động không nhỏ đến trạng thái đa ngữ xã hội tiếng Việt với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số mà trong đó tiếng Thái đóng vai trò chính. Vì thế, đô thị hóa ngôn ngữ không chỉ dừng lại ở mức độ mối quan hệ giữa các phương ngữ trong xã hội đa phương ngữ mà còn ở cả mối quan hệ giữa các ngôn ngữ trong xã hội đa ngữ.

Xuất phát từ cách nhìn như vậy, dưới đây chúng tôi muốn nêu ra một số vấn đề về đô thị hóa ngôn ngữ ở Việt Nam. Hay nói cụ thể hơn, đó là tác động của đô thị hóa đối với việc sử dụng ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay.

**2.** Việt Nam là quốc gia xã hội chủ nghĩa thống nhất đa dân tộc, đa ngôn ngữ. Với tư cách là ngôn ngữ quốc gia, tiếng Việt là ngôn ngữ hành chính nhà nước, là ngôn ngữ giáo dục, ngôn ngữ đối ngoại và là ngôn ngữ giao tiếp chung trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Nói như thế cũng có nghĩa rằng, với chính sách bình đẳng dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam, bên cạnh tiếng Việt đảm nhận chức năng giao tiếp quốc gia thì mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ giao tiếp chung trong cộng đồng dân tộc. Vì thế, khi nói đến đô thị hóa ngôn ngữ ở Việt Nam, theo chúng tôi có hai nội dung nổi lên là: (1) Tương tác giữa tiếng Việt chung (còn gọi là tiếng Việt toàn dân) với tiếng Việt phương ngữ và sự tương tác giữa các phương ngữ tiếng Việt với nhau; (2) Tương tác giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ dân tộc thiểu số.

**2.1.** Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy, đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở khắp đất nước, tạo ra một luồng luân chuyển mạnh mẽ hơn bao giờ hết về nhân lực. Đây là lí do tạo nên trạng thái đa phương ngữ xã hội ở khắp nơi và có thể coi giao tiếp đa phương ngữ đang là một xu hướng phổ biến trong xã hội Việt Nam hiện nay. Câu hỏi đặt ra là, trong xã hội đa phương ngữ như vậy thì phương ngữ nào sẽ được dùng làm giao tiếp chính (có chức năng cao- H) trong quan hệ với các phương ngữ còn lại (có chức năng thấp- L)? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi đã tiến hành quan sát một số vùng đô thị hóa thì thấy xuất hiện hai kiểu cảnh huống (situation) ngôn ngữ: cảnh huống ngôn ngữ thứ nhất thuộc về những vùng vốn là đô thị được mở rộng và cảnh huống ngôn ngữ thứ hai thuộc về những vùng đô thị hóa mới hoàn toàn.

*Thứ nhất*, ở những vùng đô thị được mở rộng, tức là, vốn đã có một đô thị ổn định thì phương ngữ đô thị đang hành chức sẽ thực hiện chức năng cao (H) và các phương ngữ mới xuất hiện sẽ thực hiện chức năng thấp (L). Đây là một xã hội đa

phương ngữ - đa phương thể ngữ (multilingualism-polyglossia) ổn định. Ví dụ, ở Thành phố Hồ Chí Minh, tiếng Sài Gòn thực hiện chức năng cao (H), các phương ngữ còn lại thực hiện chức năng thấp (L). Mối quan hệ về chức năng cao (H) - thấp (L) này là trong phạm vi giao tiếp xã hội rộng lớn (còn trong giao tiếp gia đình hay trong phạm vi hẹp hơn rất có thể ngược lại). Điều này giải thích rằng, phần đông những người (chủ yếu là trẻ tuổi) từ các vùng miền của đất nước - nhất là những người miền Bắc - vào Thành phố Hồ Chí Minh lại nhanh chóng thay đổi ngôn ngữ của mình bằng cách cố gắng nói tiếng Sài Gòn (từ ngữ, giọng điệu, lối diễn đạt) nhằm thích nghi, vươn tới "sự đồng nhất" về giao tiếp ngôn ngữ. Trong một số khảo sát của chúng tôi về tiếng Hà Nội cũng thấy rõ điều này: Những người (nhất là sinh viên) từ các vùng khác nhau đến Hà Nội học tập, làm việc, theo thời gian, đã thay đổi ngôn ngữ ở các mức độ khác nhau để hoà vào cách giao tiếp của thủ đô. Chẳng hạn, những sinh viên là người khu bốn (nhất là nữ) luôn cố gắng hướng tới sử dụng đúng thanh điệu của tiếng Hà Nội (như chuyển cách phát âm kiểu "chúng tôi" thành "chúng tôi",...). Điều đáng chú ý là, quá trình này được bắt đầu từ sự song dụng các biến thể (phương ngữ thành thị cùng các phương ngữ khác) trong giao tiếp của những cá thể mới vào thành phố. Chính sự song dụng này đã làm cho không ít thì nhiều có sự tương tác và xung đột giữa các biến thể trong mỗi cá nhân. Sau đó là cả một quá trình mà mỗi cá thể, một mặt, tự điều chỉnh ngôn ngữ của mình để hoà nhập với cộng đồng, mặt khác, họ vẫn cố gắng giữ lối giao tiếp phương ngữ đặc trưng trong cộng đồng phương ngữ của họ. Hệ quả dẫn đến là:

(a) Sự vươn tới để tạo sự nhất thể trong hành vi nói năng của những người đến thành phố từ các vùng miền thường chỉ có thể đạt ở mức độ "cận đồng nhất" chứ không thể đồng nhất. Từ đây đã tạo ra một thứ phương ngữ pha trộn (mixing) giữa phương ngữ thành thị với phương ngữ của cộng đồng mới đến ở các mức độ khác nhau. Ví dụ, sự pha trộn giữa tiếng Hà Nội với tiếng Nghệ của cộng đồng người Nghệ ở Hà Nội; sự pha trộn giữa tiếng Hà Nội với tiếng Sơn Tây của cộng đồng người Sơn Tây ở Hà Nội; sự pha trộn giữa giọng Bắc với giọng Trung hoặc giọng Nam; v.v...

(b) Chính do sự pha trộn này đã tác động đến phương ngữ đô thị, làm lung lay nội dung khái niệm phương ngữ đô thị với đặc trưng vốn có của nó. Ví dụ, sự lan toả cách phát âm lẫn lộn hai chiều n/l (vốn không xuất hiện trong tiếng Hà Nội) đang trải khắp vùng Gia Lâm và ít nhiều cả trong nội thành Hà Nội.

(c) Không phải ai khác mà chính các cá thể đã phần nào được đô thị hóa về ngôn ngữ lại mang những nét đặc thù của phương ngữ theo hướng đô thị mà họ sử dụng hàng ngày ở thành phố về quê hương của họ. Cộng đồng chịu tác động đầu tiên là cộng đồng thân thuộc sau đó là làng xóm. Cùng với những nhân tố khác của đô thị hóa đã tạo ra nguy cơ có thể dẫn đến làm nhạt nhoà ranh giới giữa các phương ngữ, làm mất dần bản sắc của mỗi phương ngữ và tạo ra sự pha trộn giữa các phương ngữ ở các vùng nông thôn. Ví dụ, lối đáp lại quen thuộc "không dám" của người nông thôn vùng Hà Tây (giáp Hà Nội) mỗi khi tiếp nhận lời chào (ví dụ: A: Chào bác!; B: Không dám, chào anh) dường như đang mất hẳn. Cũng tại vùng này, một số từ mang đặc trưng cách phát âm phương ngữ đã không thấy xuất hiện nữa: âm ôi! (= bầm ơi/mẹ

oi); thế nào (= thế nào); già, hỏi cái gì?/hỏi cái gì, già? (= hỏi gì đấy?); ăn cơm chưa? Chưa ăn (ăn cơm chưa? Chưa ăn); nhiều tiền (= nhiều tiền); v.v...

*Thứ hai*, ở những vùng đô thị mới (mới được kiến lập hoặc đang được xây dựng) thì tình hình trở nên phức tạp hơn nhiều, bởi tại nơi đây chưa có một phương ngữ đô thị hay chính xác là chưa xác định được phương ngữ cao (H). Các phương ngữ ở đây cùng hành chức trong một trạng thái đa phương ngữ mà không có đa phương thể ngữ (tức là chưa có sự phân bố chức năng giữa các phương ngữ). Trong tình hình như vậy thường dẫn đến các khả năng sau:

(a) Phương ngữ bản địa đang được sử dụng (tức phương ngữ nơi kiến lập đô thị) sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập phương ngữ đô thị. Điều này có thể xảy ra trong trường hợp có nhiều người dân bản địa sinh sống, làm việc tại khu đô thị mới và có giao lưu mạnh mẽ hai chiều (tương tác) giữa cư dân đô thị mới với cư dân vùng lân cận.

(b) Phương ngữ của vùng nào mà có số đông người nhập cư vào đô thị này sẽ trở thành phương ngữ cơ sở để hình thành phương ngữ đô thị ở giai đoạn đầu. Sở dĩ chỉ có thể là "cơ sở" và "ở giai đoạn đầu" là vì còn phải qua một quá trình tương tác (interaction) và xung đột (conflict). Rất có thể, thời gian đầu, phương ngữ của số đông người là "phương ngữ trội" nhưng vì gắn với môi trường mà chuyển dần sang phương ngữ của vùng đó, hoặc tạo ra một phương ngữ pha trộn với cơ tầng, hoặc là của phương ngữ trội, hoặc là của phương ngữ bản địa. Đây là một thực tế đang diễn ra ở một số khu đô thị mới ở Việt Nam.

**2.2.** Không thể không nhắc đến một thực tế hiện nay ở Việt Nam là đô thị hóa diễn ra ở các vùng chiếm số dân chủ yếu là cộng đồng người dân tộc thiểu số với một trạng thái đa ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc. Sẽ có hàng loạt các tác động đến việc sử dụng ngôn ngữ ở đây trong đó có việc lựa chọn ngôn ngữ đô thị và phương ngữ đô thị. Chẳng hạn, công nghiệp hóa với khoa học kỹ thuật công nghệ; các phương tiện thông tin, truyền thông, quảng cáo; lượng người đổ về tham gia xây dựng và tiếp tục ở lại sinh sống; giao lưu, thông thương mở rộng với nhịp độ và tốc độ lớn; v.v...tất cả những hoạt động đó đều có sự tham gia của ngôn ngữ, do vậy, chúng trở thành những tác nhân quan trọng tác động đến việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ để đi đến định hình một ngôn ngữ hay phương ngữ đô thị.

Về việc lựa chọn ngôn ngữ, theo dự đoán của chúng tôi, tiếng Việt sẽ trở thành ngôn ngữ đô thị ở những đô thị mới kiểu này. Điều đáng nói là, đây là một thực tế của sự "lựa chọn ngôn ngữ" (language choice) để tạo nên sự nhất thể trong giao tiếp. Nhưng cũng chính từ đây mà rất có thể, theo thời gian, ngôn ngữ dân tộc thiểu số dùng để giao tiếp trong gia đình cũng như trong cộng đồng của những người dân tộc thiểu số sẽ ngày càng bị thu hẹp lại. Cùng với đó, dưới tác động của môi trường đa ngữ và sức ép của ngôn ngữ đô thị - tiếng Việt - sẽ làm cho ngôn ngữ dân tộc chịu ảnh hưởng rất lớn của giao thoa và vay mượn. Và, vượt xa hơn là, ngôn ngữ đô thị sẽ lan tỏa, tác động đến việc sử dụng ngôn ngữ của vùng ven và cả vùng rộng lớn đó. Khi đã chọn được ngôn ngữ đô thị thì tiếp đó sẽ là chọn phương ngữ nào

để làm phương ngữ đô thị. Đây là cả một quá trình tương tác giữa các phương ngữ của những người tham gia xây dựng và sinh sống tại đô thị này.

3. Có thể thấy, cái đích mà đô thị hóa ngôn ngữ hướng đến là tạo tính đồng nhất về ngôn ngữ. Đó cũng là thể hiện tính chiến lược trong quá trình đô thị hóa ngôn ngữ: làm cho thích nghi và đạt được tính nhất thể hóa về ngôn ngữ trong quá trình đô thị hóa. Điều này có liên quan đến thái độ ngôn ngữ (language attitude) của người sử dụng. Nếu thái độ được hiểu là "cách nghĩ, cách nhìn và cách hành động theo một hướng nào đó trước một vấn đề, một tình hình" thì thái độ ngôn ngữ có thể được hiểu là sự đánh giá về giá trị và khuynh hướng hành vi của một cộng đồng hay cá nhân đối với một ngôn ngữ nào đó. Với cách hiểu như vậy, thái độ ngôn ngữ đối với đô thị hóa ngôn ngữ là cách hành xử gắn với tình cảm ngôn ngữ trước việc hướng tới phương ngữ đô thị hay ngôn ngữ đô thị (cũng là đồng nghĩa với việc từ bỏ phương ngữ hay ngôn ngữ của mình). Ở đây sẽ xuất hiện những cách hành xử khác nhau:

(a) Có ý thức trong việc chuyển sang phương ngữ đô thị hay ngôn ngữ đô thị. Những người có cách hành xử này sẽ giúp họ đẩy nhanh việc hoà nhập, thích nghi với ngôn ngữ đô thị.

(b) Hoà nhập một cách tự nhiên vào môi trường đô thị trong đó có sự hoà nhập về ngôn ngữ. Đối với những người này thì sự chuyển đổi sang phương ngữ đô thị hay ngôn ngữ đô thị như là sự "mưa dầm thấm áo".

(c) Thể hiện rõ một thái độ "trung thành ngôn ngữ" đối với phương ngữ hay ngôn ngữ của mình: cố gắng sử dụng phương ngữ hay ngôn ngữ của mình từ trong giao tiếp gia đình đến giao tiếp xã hội (tức là có ý thức không thay đổi). Tuy nhiên, ngay cả đối với những người này thì sự bảo lưu cũng chỉ là tương đối. Vì, dù có ý thức bảo lưu đến đâu thì chỉ có thể hạn chế hoặc kéo dài thời gian chứ không thể "cưỡng lại" tác động của môi trường giao tiếp.

Cách nhìn nhận vừa nêu về thái độ ngôn ngữ trong tiến trình đô thị hóa ngôn ngữ mới chỉ mang tính khái quát. Bởi sự chuyển đổi về tư tưởng nhận thức đối với việc phải từ bỏ thứ ngôn ngữ dường như là máu thịt để chuyển sang một thứ ngôn ngữ khác là không hề đơn giản. Chẳng hạn, một loạt các mâu thuẫn trong tư tưởng sẽ nảy ra: sự giằng xé giữa thái độ trung thành và thái độ tự ti đối với ngôn ngữ mình đang sử dụng; giữa thái độ trung thành ngôn ngữ của bản thân với thái độ xem thường của xã hội (hay một nhóm xã hội) đối với ngôn ngữ bản thân đang sử dụng; giữa thái độ tự ti về ngôn ngữ mà bản thân đang sử dụng cộng với thái độ xem thường của xã hội (hay một nhóm xã hội) đối với ngôn ngữ bản thân đang sử dụng; v.v...

Quá trình đô thị hóa ngôn ngữ Việt Nam hiện nay đang diễn ra mạnh mẽ, phức tạp với hàng loạt vấn đề cần giải quyết. Chẳng hạn, với tình hình đa phương ngữ xã hội như hiện nay, người ta buộc phải nhìn nhận lại một số những khái niệm vốn đã rất quen thuộc như ngôn ngữ (tiếng Việt toàn dân) và phương ngữ (tiếng Việt phương ngữ), chuẩn hóa (tiếng Việt chuẩn mực) và biến thể (tiếng Việt trong sử

dụng); Nếu coi ngôn ngữ là một hành vi xã hội thì không thể không xem xét ngôn ngữ ở Việt Nam với sự phát triển của xã hội Việt Nam gắn với các vấn đề "sinh thái học ngôn ngữ" trong đó nổi lên là nguy cơ các ngôn ngữ hay phương ngữ bị tiêu vong. Nói một cách cụ thể hơn, đô thị hóa ngôn ngữ đang là một xu thế tất yếu nên cần coi đó là một vấn đề xã hội và đặt nó vào trong một mối quan hệ rộng lớn với các vấn đề của đô thị hóa nói chung để có được định hướng và chiến lược tổng thể - một nội dung mà dễ bị bỏ quên trong bộ phận của bao nội dung khác.

### **Tài liệu tham khảo chính**

1. Ronald Wardhaugh: *An introduction to Sociolinguistics*. Blackwell publisher, 1993.
2. J.J. Gumperz: *Language and Social Identity*. Cambridge University Press, 1982.
3. W.Labov: *The social stratification of English in New York City*. Wasington DC: Center for Applied Linguistics, 1967.
4. Hoàng Thị Châu: *Tiếng Việt trên các miền đất nước*. Nxb Khoa học xã hội, 1989.
5. Nguyễn Văn Khang: *Về khái niệm "tiếng Hà Nội"* trong "Hà Nội - Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa", Nxb Văn hóa - Thông tin, 2001.
6. Nguyễn Văn Khang: *Kế hoạch hóa ngôn ngữ - Ngôn ngữ học xã hội vĩ mô*. Nxb Khoa học xã hội, 2003.